TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày: 12-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Lễ Nghi

Ông Thạch Phới

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Thể - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo: S, sinh ngày 16/02/1997, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Sơn Sa R, sinh năm 1971 và bà Thạch Thị B, sinh năm 1971. Vợ, con: Chưa có. Tiền sự: Không có. Tiền án: 01 tiền án (Bản án số 32/2020/HS-ST, ngày 02/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội Hiếp dâm và 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/5/2023. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/3/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C.

Người bị hại:

1. Ông Lưu Thanh L, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Kiên B1, sinh năm 1954 (có mặt);

2. Bà Võ Thị H, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt);

3. Ông Ngô Minh Q, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng:

1. Anh Kim D, sinh năm 2003 (có đơn xin vắng mặt);

2. Anh Thạch T1, sinh năm 1991 (vắng mặt);

3. Anh Thạch C, sinh năm 2004 (có đơn xin vắng mặt);

4. Anh Thạch T2, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Chị Huỳnh Thị L1, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

6. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1961 (vắng mặt);

7. Bà Thạch Thị S, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người phiên dịch: Ông Thạch Q1 - Cán bộ hưu trí.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 29/12/2023, bị cáo Sơn Sa R1 tổ chức uống rượu tại nhà cùng với Kim D, Thạch L2 và Thạch Đ; nhậu đến khoảng 14 giờ 40 phút, cùng ngày, do hết đồ ăn nên bị cáo nảy sinh ý định bắt trộm gà của ông Lưu Thanh L về làm thịt để tiếp tục uống rượu và rủ Kim D cùng đi thực hiện hành vi bắt trộm gà thì D đồng ý. Riêng L2 và Được nghỉ nhậu đi về. Khi đó, bị cáo và D đi bộ đến phía sau nhà ông L, thấy hàng rào lưới B40 có lỗ trống cách mặt đất 50cm nên bị cáo chui vào bên trong, còn D đứng ngoài hàng rào cảnh giới. Sau đó, bị cáo đi đến khu vực cây xanh gần chuồng nuôi heo thì nhìn thấy 01 (một) con gà trống, lông màu đỏ - trắng - xám, trọng lượng 3,7 kg, được nhốt trong bội, bằng kim loại nên bị cáo sử dụng một tay mở nắp bội, một tay đưa vào bên trong bội nắm trúng lông trên lưng gà, gà kêu và chạy xung quanh trong bội nên bị cáo chưa bắt được, bị cáo nhìn thấy vợ ông L là bà Nguyễn Thị Hồng T, đứng bên trong khu vực nhà sau nhìn ra bên ngoài sợ bà T phát hiện, truy hô nên D bỏ chạy trước, còn bị cáo chui qua hàng rào lưới B40 bỏ chạy về nhà. Khi đó, bà T nghi ngờ bị cáo và D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên kể lại sự việc cho ông L biết và ông L đến Công an xã P trình báo sự việc.

Quá trình tiến hành kiểm tra, xác minh đủ căn cứ xác định bị cáo Sơn Sa R1 là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên tiến hành mời làm việc, tại Cơ quan Công an, bị cáo Sơn Sa R1 đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 05/BKL-HDĐG ngày 16/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: một gà trống, trọng lượng 3,7kg có giá trị tài sản là 407.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận 06 (sáu) lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 10 năm 2023 (không nhớ rõ thời gian) bị cáo cùng với Kim D, Thạch T1, sinh năm 1991, cư trú ấp A, xã P, T, sinh năm 2004 và Thạch T2, sinh năm 1991, cùng cư trú ấp B, xã P đến nhà ông Lưu Thanh L lấy trộm 01 (một) máy dầu D9 (không rõ nhãn hiệu), bị cáo cùng với Kim D, Thạch C và Thạch T2 chở đến bán cho bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1986, tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, được số tiền 680.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 12 năm 2023 (không nhớ rõ thời gian), bị cáo cùng Kim D và Thạch T1 đến chồi lá của ông Kiên B1, sinh năm 1954, tại ấp A, xã P, lấy trộm 01 (một) đầu máy dầu D6 (không rõ nhãn hiệu), bị cáo cùng Kim D đem bán cho bà Huỳnh Thị L1, được số tiền 430.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng tháng 12 năm 2023 (cách lần thứ hai khoảng 04 ngày), bị cáo và Kim D đến nhà Thạch Thị Xuân Y, sinh năm 1985, tại ấp A, xã P lấy trộm 01 (một) máy may, 01 (một) bình gas lớn, loại 12 kg, 01 (một) bếp gas đôi. Sau khi lấy trộm, bị cáo và D chở đến bán cho ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1961, cư trú ấp A, xã P, được số tiền 259.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng tháng 12 năm 2023 (cách lần thứ ba 01 ngày), bị cáo cùng Kim D đến nhà Thạch Thị Xuân Y, lấy trộm 01 (một) bộ máy xới mi ni, có lắp máy xăng, 01 (một) máy chạy bộ, 01 (một) mô tơ bơm nước (khoảng 6 ngựa), 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA 67. Sau đó, bị cáo và D mang xe mô tô, nhãn hiệu HONDA 67 bán cho ông Lý Y1, sinh năm 1949, tại ấp A, xã P, huyện C, được số tiền 350.000 đồng. Đối với 01 (một) bộ máy xới mi ni, có lắp máy xăng, 01 (một) máy chạy bộ, 01 (một) mô tơ bơm nước, bị cáo cùng D chở đến nhà của Thạch T1 cất giấu. Sau đó, T1 bán cho một người thu mua ve chai (không biết tên, địa chỉ cụ thể) được số tiền 300.000 đồng.

Lần thứ năm: Khoảng cuối tháng 12 năm 2023 (không nhớ rõ thời gian), bị cáo và Kim D đến tiệm của bà Võ Thị H, sinh năm 1967, tại ấp A, xã P, lấy trộm 01 (một) cặp gối cưới, chưa sử dụng, 01 (một) cái chăn, chưa sử dụng, 01 (một) con gà trống. Sau đó, bị cáo bán 01 (một) con gà cho người nam thanh niên ở huyện T (không biết tên và địa chỉ) được số tiền 400.000 đồng. Riêng Kim D bán 01 (một) cặp gối cưới và 01 (một) cái chăn cho bà Thạch Thị S, sinh năm 1958, cư trú cùng ấp, được số tiền 200.000 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 26 tháng 11 năm 2023, bị cáo cùng với Kim D đến tiệm hớt tóc của ông Ngô Minh Q, sinh năm 1974, tại ấp A, xã P, lấy trộm 03 (ba) cái máy tông đơ hớt tóc, 02 (hai) cây kéo. Trên đường về, bị cáo và D lấy trộm của bà Võ Thị H 01 (một) hủ kẹo me, 02 (hai) chai Sting, 02 (hai) chai Number One, 02 (hai) chai đậu nành, 02 (hai) chai Pepsi. Đối với 03 (ba) cái máy tông đơ hớt tóc và 02 (hai) cây kéo, bị cáo đã bán cho Thạch G, sinh năm 1993, cư trú ấp C, xã C, huyện

C, được số tiền khoảng 200.000 đồng. Đối với tài sản đã trộm của bà H thì bị cáo và D đã sử dụng hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 17/BKL-HĐĐG ngày 24/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C xác định giá trị các tài sản được yêu cầu định giá có giá trị như sau:

- 01 (một) máy dầu D9, giá trị còn lại là 1.500.000 đồng.

- 01 (một) đầu máy dầu D6, giá trị còn lại là 250.000 đồng.

- 01 (một) máy hớt tóc, màu đen, 01 (một) máy hớt tóc màu đen - đỏ và 01 (một) máy hớt tóc, màu trắng, có giá trị còn lại là 450.000 đồng, 02 cây kéo, bằng kim loại màu trắng có giá trị còn lại là 160.000 đồng.

- 02 (hai) chai nước ngọt nhãn hiệu Pepsi, 02 (hai) chai nước ngọt nhãn hiệu Sting, 02 (hai) chai nước ngọt nhãn hiệu Number One và 02 (hai) chai nước Đậu nành có giá trị là 44.000 đồng.

- 01 (một) cái mềm bông màu đỏ - hồng, có giá trị là 200.000 đồng, 01 (một) cặp gối cưới, có giá trị là 200.000 đồng

- 01 (một) con gà trống lông màu vàng - đỏ, trọng lượng 03 kg, có giá trị là 330.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản yêu cầu định giá là 3.134.000 đồng.

Với giá trị tài sản bị chiếm đoạt chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/5/2023, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Do đó, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo vào ngày 29 tháng 12 năm 2023 đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Thạch T1, T, Thạch T2 và Kim D chưa đủ định lượng cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự nên Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Thạch T1, Thạch C, Thạch T2 và Kim D mỗi người với số tiền 2.500.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Đối với Nguyễn Văn M, L, Thạch Thị S, không biết bị cáo Sơn Sa R1 và Kim D bán tài sản do thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý. Riêng Thạch G, qua xác minh cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch và địa chỉ cụ thể nên chưa đủ cơ sở để xử lý.

Đối với bà Huỳnh Thị L1 khai không có mua tài sản của bị cáo Sơn Sa R1, Kim D, Thạch C và Thạch T2 nên Cơ quan điều tra chưa đủ cơ sở để xử lý.

Đối với Thạch Thị Xuân Y, cư trú ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, hiện đang đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, không có mặt tại địa phương và không xác định được địa chỉ cụ thể nên chưa có cơ sở để xác định giá trị tài sản bị thiệt hại.

Vật chứng vụ án: 01 (một) con gà trống, lông màu đỏ - trắng - xám, trọng lượng 3,7 kg. Trong quá trình xác minh, cơ quan Công an đã xử lý trả lại tài sản cho ông Lưu Thanh L theo quy định pháp luật.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lưu Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kiên B1, bà Võ Thị H và ông Ngô Minh Q đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKS-HS ngày 30/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Sơn Sa R1 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Sơn Sa R1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng thể hiện là đúng và không bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung Cáo trạng.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị: Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Sơn Sa R1 từ 06 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2024.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) con gà trống, lông màu đỏ - trắng - xám, trọng lượng 3,7 kg. Trong quá trình xác minh, cơ quan Công an đã xử lý trả lại tài sản cho ông Lưu Thanh L theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lưu Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kiên B1, bà Võ Thị H và ông Ngô Minh Q đều không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Sơn Sa R1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Sơn Sa R1 không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Sơn Sa R1 nói lời sau cùng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Sơn Sa R1: Khoảng 14 giờ 40 phút phút ngày 29/12/2023 tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị can Sơn Sa R1 và Kim D đã bắt trộm 01 (một) con gà trống, lông màu đỏ - trắng - xám, trọng lượng 3,7kg, có giá trị là 407.000 đồng của ông Nguyễn Thanh L3 và bà Nguyễn Thị Hồng T. Bị cáo Sơn Sa R1 có một tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà tiếp tục

vi phạm. Tuy nhiên, qua xác minh, thu thập tài liệu xác định vào ngày 02/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội "Hiếp dâm" và 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 32/2020/HS-ST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/5/2023 nhưng chưa được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 và Điều 73 Bộ luật Hình sự lại tiếp tục thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" vào ngày 29/12/2023. Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã truy tố bị cáo Sơn Sa R1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe nhưng vì chay lười lao động, muốn hưởng thụ nên bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người khác để lén lút chiếm đoạt tài sản của họ. Lẽ ra, sau khi chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống bị cáo phải có ý thức sửa đổi, chấp hành tốt các quy định pháp luật để trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội nhưng bị cáo lại có hành vi trộm cắp tài sản của ông Lưu Thanh L và bà Nguyễn Thị Hồng T.

[5] Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của ông Lưu Thanh L và bà Nguyễn Thị Hồng T mà còn ảnh hưởng đến trật tự xã hội địa phương nơi bị cáo gây án, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm lao động sản xuất và ảnh hưởng đến nếp sống văn minh, đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như bày trừ các tệ nạn xã hội. Vì thế, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cũng cần xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ và trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định và hành vi này nên các quyết định và hành vi này đều hợp pháp. Về

những chứng cứ, tài liệu do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập là hợp pháp.

[8] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lưu Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kiên B1, bà Võ Thị H và ông Ngô Minh Q đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[11] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Sơn Sa R1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Bản luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[13] Bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Sơn Sa R1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Sơn Sa R1 01 (*một*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 3 năm 2024.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lưu Thanh L, bà Nguyễn Thị Hồng T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kiên B1, bà Võ Thị H và ông Ngô Minh Q đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Sơn Sa R1 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Công an huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Ai